

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI ÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/HNGĐ-ST

Ngày 21/12/2020

V/v: “*Tranh chấp về ly hôn,
nuôi con chung*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ÂN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Vân;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Minh Tấn;

2. Bà Nguyễn Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hoài Ân tham gia phiên tòa:

+ Ông Nguyễn Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 29/2020/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 02 năm 2020, về việc: “*Tranh chấp về ly hôn, về nuôi con chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Út L, sinh năm 1998; nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Quốc T, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

Nguyên đơn vắng mặt (có đơn đề nghị vắng mặt), bị đơn vắng mặt (lần 02).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ của bên nguyên đơn chị Lê Thị Út L trình bày:

Vào năm 2015, chị L làm nghề thuê máy vi tính cho tư nhân ở Vĩnh Lộc B - Bình Chánh - TP. Hồ Chí Minh. Thời gian đó anh T làm nghề Laphong thạch cao nên

quen nhau qua điện thoại. Năm 2016 thì hai người kết hôn, đăng ký tại UB xã Đ, tự nguyện, có tổ chức cưới và sau đó vào ở chung với gia đình cha mẹ ruột anh T. Vì thời điểm đó cả gia đình anh T vào thuê mặt bằng nuôi heo tại quận Bình Chánh - TP. Hồ Chí Minh, sau đó do anh T gây cãi với cha mẹ anh T nên chị L phải về quê ở với cha mẹ ruột (Đào Thị T, Lê Hồng V) tại thôn C, xã Đ cho đến khi sinh con. Thời gian đầu thì anh T có đi đi, về về, nhưng đến khoảng tháng 12/2019 (DL) thì anh T không về mà gọi điện nói là chị L không kiếm công việc làm, để một mình anh T làm nuôi, nói chị L ăn bám. Trong khi con chị L còn nhỏ, không thể bỏ đi làm được, anh T còn bảo chị L ly hôn, chị L được biết anh T lâm vào ma túy nên mới có thái độ như vậy. Nay chị L xác định không còn tình cảm với anh T nữa, vợ chồng không sống chung từ tháng 12/2019 (DL) cho đến nay. Hiện nay gia đình anh T chỉ có ông Trần Văn M (cha ruột anh T) ở tại thôn C, còn cả gia đình anh T đều ở Sài Gòn. Cách đây 01 tháng, anh T gọi về, sau đó không liên lạc được với anh T nữa. Chị L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn anh Trần Quốc T; chị L yêu cầu nuôi con chung tên Trần Lê Quốc T1, sinh ngày 01/8/2017; tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

- Bên bị đơn, anh Trần Quốc T: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án anh T không có mặt, Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ, tiến hành niêm yết theo quy định, anh T vắng mặt, không đến Tòa án, không có lời khai.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, phát biểu:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, thư ký tiến hành tố tụng, Hội thẩm nhân dân tham gia Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, cả nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án. Tuy nhiên vụ án còn để quá hạn luật định, Thẩm phán cần rút kinh nghiệm đối với vụ án khác.

+ Về hướng giải quyết: Có cơ sở để chấp nhận khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu nuôi con của nguyên đơn; về tài sản chung, các bên không yêu cầu giải quyết án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Vào năm 2016, chị Lê Thị Út L ở thôn C, xã Đ và anh Trần Quốc T ở thôn B, xã Đ, huyện Hoài Ân; đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ là hợp pháp. Do anh T và cả gia đình anh T đều ở quận Bình Chánh - TP. Hồ Chí Minh nên chị L cũng vào sinh sống cùng anh T; chị L và anh T có 01 con chung tên Trần Lê Quốc T1, sinh ngày

01/8/2017. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng: Anh T gây cãi với cha mẹ anh T nên chị L phải về quê ở với cha mẹ ruột (Đào Thị T, Lê Hồng V) tại thôn C, xã Đ cho đến khi sinh con. Do con nhỏ, chị L không làm ra tiền, anh T lâm vào ma túy nên nói chị L không kiếm việc làm, ăn bám anh T nên từ đó vợ chồng mâu thuẫn. Chị L và anh T không sống chung với nhau từ tháng 12/2019 (DL) cho đến nay, chị L xác định không còn tình cảm với anh T nữa, chị L xin ly hôn anh Trần Quốc T. Chị Luyến yêu cầu nuôi con chung tên Trần Lê Quốc T1, sinh ngày 01/8/2017; tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng; chị L không yêu cầu về tài sản chung.

- Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật: Tòa án thụ lý sơ thẩm vụ án và xác định đây là “*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung*” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Về trình tự tố tụng: Tòa án đã thực hiện thủ tục giao nhận tài liệu, chứng cứ; thu thập chứng cứ, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ. Tổ chức phiên họp tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ; hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quyền, nghĩa vụ của đương sự: Tòa án đã thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ; niêm yết con khai, giải thích các quy định của pháp luật, bị đơn anh Trần Quốc T không yêu cầu phản tố. Tại phiên tòa, cả nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt; Hội đồng xét xử áp dụng Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn Lê Thị Út L:

- Về hôn nhân: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và thực tế hai người không sống chung với nhau từ tháng 12/2019 (DL) cho đến nay nên có kéo dài mối quan hệ vợ chồng thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Tại Tòa án, chị L xác định không còn tình cảm với anh T, chị Luyến xin ly hôn anh Trần Quốc T là có cơ sở; Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Hiện con chung Trần Lê Quốc T1 đang ở với chị L, anh T không có mặt tại địa phương, không xác định được mức thu nhập nên không đảm bảo việc nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Do vậy, chị L yêu cầu nuôi con chung, tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng là có cơ sở; Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu giải quyết.

[3]. Xét ý kiến của bị đơn, anh Trần Quốc T:

- Về hôn nhân: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, niêm yết công khai theo quy định, nhưng anh T không đến Tòa án, không có bản khai, không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa, mặc dù Tòa án đã thông báo, triệu tập, niêm yết công khai đúng quy định đến (lần thứ 02), nhưng anh T vẫn không có mặt là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của anh T trước pháp luật; Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định của pháp luật.

[4]. Từ các căn cứ nêu trên; Hội đồng xét xử giải quyết như sau:

- Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Út L được ly hôn anh Trần Quốc T.
- Về nuôi con chung: Giao con chung tên Trần Lê Quốc T1 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, chị L tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng; chị L đồng ý anh T được quyền thăm nom, săn sóc con chung.
- Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu giải quyết.

[5]. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên buộc chị L chịu án phí.

Vì các lẽ trên; Căn cứ vào Khoản 1 Điều 235, khoản 1 Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 51, 53, 54, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Út L được ly hôn anh Trần Quốc T.
 - Về con chung: Giao con chung tên Trần Lê Quốc T1, sinh ngày 01/8/2017; cho chị L nuôi dưỡng, chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng; chị L đồng ý anh T được quyền thăm nom, săn sóc con chung.
 - Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu giải quyết.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Lê Thị Út L nộp 300.000 đồng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0006035 ngày 19/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Ân.

3. Các bên đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Đường sự;
- Lưu (HSVA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hồng Vân